

Số: 510/QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 26 tháng 9 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp cử nhân đại học chính quy
đợt tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-ĐHKTCN ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Kế hoạch số 504/KH-ĐHKTCN ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc xét công nhận và trao bằng tốt nghiệp sinh viên đại học chính quy đợt tháng 9 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 478/QĐ-ĐHKTCN ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc thành lập Hội đồng xét tốt nghiệp đại học chính quy đợt tháng 9 năm 2023;

Căn cứ Biên bản số 860/BB-ĐHKTCN ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ về việc xét tốt nghiệp sinh viên đại học chính quy đợt tháng 9 năm 2023;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp đại học chính quy đợt tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 35 sinh viên tốt nghiệp cử nhân đại học chính quy (có danh sách kèm theo), trong đó:

STT	Ngành	Số sinh viên	Đơn vị
1	Hệ thống thông tin	04	Khoa Công nghệ thông tin
2	Khoa học máy tính	09	
3	Kỹ thuật phần mềm	05	
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	02	Khoa Điện - Điện tử - Viễn thông

5	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	07	Khoa Kinh tế - Quản lý Công nghiệp
6	Quản lý công nghiệp	01	
7	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	03	Khoa Kỹ thuật cơ khí
8	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	03	
9	Quản lý xây dựng	01	Khoa Kỹ thuật xây dựng

Điều 2. Các Khoa, Phòng Đào tạo, Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT. PĐT.



NGND.PGS.TS Huỳnh Thanh Nhã

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP CỬ NHÂN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY ĐỢT THÁNG 9 NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 510/QĐ-ĐHKTCN, ngày 26 tháng 9 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ)



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	1500479	Trương Thanh	Hải	Nam	Kinh	Việt Nam	26/11/1997	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	134	2.54	Khá
2	1500852	Nguyễn Văn	Nhật	Nam	Kinh	Việt Nam	06/6/1997	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	138	2.05	Trung bình
3	1500368	Nguyễn Phúc	Phát	Nam	Kinh	Việt Nam	01/01/1997	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.52	Khá
4	1500556	Mai Tuấn	An	Nam	Kinh	Việt Nam	18/4/1997	Tỉnh Tiền Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.39	Trung bình
5	1600052	Trịnh Minh	Thái	Nam	Kinh	Việt Nam	24/11/1998	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.09	Trung bình
6	1700209	Nguyễn Phước	Bình	Nam	Kinh	Việt Nam	07/11/1999	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	2.12	Trung bình
7	1600324	Huỳnh Tuấn	Đạt	Nam	Kinh	Việt Nam	30/4/1998	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	2.00	Trung bình
8	1800531	Huỳnh Minh	Lợi	Nam	Kinh	Việt Nam	25/3/1997	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	2.23	Trung bình
9	1800481	Lưu Phát	Đạt	Nam	Kinh	Việt Nam	16/5/2000	Tỉnh Bạc Liêu	Hệ thống thông tin	135	2.45	Trung bình
10	1800638	Phạm Tuấn	Khôi	Nam	Kinh	Việt Nam	22/01/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống thông tin	135	2.72	Khá
11	1800629	Trần Đông	Phong	Nam	Kinh	Việt Nam	20/12/2000	Thành phố Cần Thơ	Hệ thống thông tin	135	2.42	Trung bình
12	1800265	Nguyễn Huỳnh Thảo	Vy	Nữ	Kinh	Việt Nam	21/12/2000	Thành phố Cần Thơ	Hệ thống thông tin	135	2.05	Trung bình
13	1800527	Võ Thành Hải	Đăng	Nam	Kinh	Việt Nam	08/10/2000	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	132	2.20	Trung bình
14	1700057	Tô Minh	Đức	Nam	Kinh	Việt Nam	11/9/1999	Tỉnh Kiên Giang	Khoa học máy tính	132	2.30	Trung bình
15	1800719	Võ Minh	Đương	Nam	Kinh	Việt Nam	11/01/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Khoa học máy tính	132	2.56	Khá
16	1500203	Trần Thị Thúy	Hằng	Nữ	Kinh	Việt Nam	17/9/1997	Tỉnh An Giang	Khoa học máy tính	132	2.67	Khá
17	1800085	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	Kinh	Việt Nam	28/12/2000	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	132	2.73	Khá
18	1700514	Bùi Tiến	Phát	Nam	Kinh	Việt Nam	23/8/1999	Tỉnh Kiên Giang	Khoa học máy tính	132	2.27	Trung bình
19	1800681	Nguyễn Hữu	Quý	Nam	Kinh	Việt Nam	19/5/2000	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	134	2.27	Trung bình
20	1500893	Võ Minh	Tân	Nam	Kinh	Việt Nam	09/9/1996	Tỉnh Bạc Liêu	Khoa học máy tính	133	2.37	Trung bình
21	1800800	Châu Phước	Thịnh	Nam	Kinh	Việt Nam	05/7/2000	Tỉnh Sóc Trăng	Khoa học máy tính	132	2.53	Khá
22	1800796	Nguyễn Ngọc	Châm	Nữ	Kinh	Việt Nam	27/3/2000	Tỉnh Bạc Liêu	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.01	Trung bình
23	1800542	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	Kinh	Việt Nam	25/8/1999	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.23	Trung bình
24	1500435	Nguyễn Hải	Hồ	Nam	Kinh	Việt Nam	07/11/1997	Tỉnh An Giang	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.21	Trung bình
25	1600003	Nguyễn Hồng	Mai	Nữ	Kinh	Việt Nam	02/6/1998	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.61	Khá
26	1501048	Tăng Văn	Thi	Nam	Kinh	Việt Nam	05/12/1997	Tỉnh An Giang	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.10	Trung bình



STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Dân tộc	Quốc tịch	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
27	1700713	Nguyễn Hữu	Thọ	Nam	Kinh	Việt Nam	30/7/1998	Tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.17	Trung bình
28	1500499	Nguyễn Thị Hồng	Thu	Nữ	Kinh	Việt Nam	16/11/1997	Tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.30	Trung bình
29	1800286	Bùi Minh	Kha	Nam	Kinh	Việt Nam	17/02/2000	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	136	2.43	Trung bình
30	1700609	Bùi Trường	Nhật	Nam	Kinh	Việt Nam	23/02/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Kỹ thuật phần mềm	137	2.83	Khá
31	1500262	Nguyễn Như	Thảo	Nữ	Kinh	Việt Nam	27/7/1997	Tỉnh Hậu Giang	Kỹ thuật phần mềm	136	2.58	Khá
32	1500715	Đặng Trí	Tính	Nam	Kinh	Việt Nam	29/6/1997	Tỉnh An Giang	Kỹ thuật phần mềm	136	2.24	Trung bình
33	1400418	Lê Công	Trung	Nam	Kinh	Việt Nam	15/4/1996	Tỉnh Vĩnh Long	Kỹ thuật phần mềm	137	2.49	Trung bình
34	1800172	Lê Thị Kim	Huyền	Nữ	Kinh	Việt Nam	07/10/2000	Tỉnh Trà Vinh	Quản lý công nghiệp	131	2.49	Trung bình
35	1600107	Nguyễn Chí	Cường	Nam	Kinh	Việt Nam	01/3/1998	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	134	2.40	Trung bình

Tổng số: 35 sinh viên; Tổng xếp loại: Khá: 10, Trung bình: 25.

PHÒNG CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ VÀ QUẢN LÝ SINH VIÊN



ThS. Nguyễn Chí Hiếu

PHÒNG ĐÀO TẠO



TS. Nguyễn Minh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



NGND.PGS.TS Huỳnh Thanh Nhã

